TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 237/2025/QĐST-LĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 361/2025/TLST- LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 87/2025/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Lê Thị N, sinh năm 1987; thường trú: T, xã H, tỉnh Nghệ An (trước đây là: Tăng Bạt H, xã S, huyện Y, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện hợp pháp của bà N: Bà Lê Hải Y, sinh năm 2002; địa chỉ: 25a, đường số G, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1988; thường trú: Xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình (trước đây là: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH G; trụ sở: Số A Đường Đ, KCN S, Phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu, bản trình bày ý kiến bà Lê Thị N trình bày:

Bà Lê Thị N, sinh ngày 19/4/1987; căn cước công dân số 040187035586 cấp ngày 03/12/2022, làm việc tại Công ty Cổ phần S; nơi làm việc: Đường số D, KCN Đ,

phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có tham gia BHXH và được cấp Sổ BHXH số 9106043435.

Vào tháng 9 năm 2025 bà N thực hiện điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H cung cấp thông tin quá trình tham gia BHXH của bà N bị trùng thời gian đóng BHXH tại Công ty G từ tháng 5/2007 đến tháng 7/2007. Lý do trùng vì tháng 5 năm 2007, bà Lê Thị N có cho em gái là bà Lê Thị Hồng M CMND và thông tin của bà Lê Thị N để ký hợp đồng lao động với Công ty G và làm việc tại đây từ tháng 5/2007 đến tháng 7/2007, tham gia BHXH với mã số 9107084963 vì thời điểm này bà H1 chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động. Do đó, người làm việc tại Công ty G thực tế là bà Lê Thị H1.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị H1 và Công ty G là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Lê Thị N (do bà H1 là người trực tiếp ký kết) và Công ty G vô hiệu.*

- Tại bản trình bày ý kiến, bà Lê Thị H1 trình bày:

Bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị N là chị em ruột, vào thời điểm năm 2007 do bà H1 chưa đáp ứng đủ điều kiện để ký kết hợp đồng lao động và không hiểu biết về pháp luật nên có mượn chứng minh dân dân của bà Lê Thị N để bổ sung vào hồ sơ, sau đó ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G. Bà H1 đã mượn thông tin cá nhân của bà N để ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH G từ tháng 05/2007 đến tháng 07/2007, tham gia bảo hiểm xã hội mã số: 9107 084 963, sau đó nghỉ việc tại công ty này. Thời điểm nêu trên, bà N đang làm việc tại công ty khác, vì vậy, bà N đã bị đóng trùng bảo hiểm từ tháng 05/2007 đến tháng 07/2007. Nay, đối với yêu cầu của bà N về việc tuyên hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị N và Công ty TNHH G vô hiệu thì bà H1 đồng ý. Đồng thời, do bà H1 đang sinh sống ở xa, hoàn cảnh khó khăn không có khả năng chi trả chi phí đi lại nên không thể tham gia tố tụng. Vì vậy, bà H1 đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ việc.

- Tại bản trình bày ý kiến, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH G cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lê Thị N sinh năm 1987 số CCCD 040187035586, với mã số BHXH 9107084963 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 05/2007 đến tháng 07/2007 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu, bà Lê Thị N còn có mã số BHXH 9106043435 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 04/2006 đến tháng 08/2007 tại Công ty S.

Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Lê Thị N và Công ty TNHH G, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Lê Thị N, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Lê Thị N BHXH không có ý kiến. Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết việc lao động

nêu trên.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H1, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Công ty TNHH G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Lê Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1, Bảo hiểm xã hội cơ sở D - Thành phố Hồ Chí Minh có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH G vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Lời khai của bà Lê Thị N, bà Lê Thị H1 phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D - Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2006 đến tháng 08/2007, người lao động Lê Thị N, sinh ngày 19/4/1987; căn cước công dân số 040187035586 cấp ngày 03/12/2022, làm việc tại Công ty Cổ phần S; nơi làm việc: Đường số D, KCN Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được cấp Sổ BHXH số 9106043435.

Bà N, bà H1 đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G và thực tế làm việc tại Công ty TNHH G trong khoảng thời gian tháng 05/2007 đến tháng 07/2007 là bà Lê Thị H1 do bà H1 đã sử dụng thông tin của bà N để ký kết hợp đồng lao động và tham gia BHXH. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G trong khoảng thời gian từ tháng 05/2007 đến tháng 07/2007 không phải bà N. Việc bà H1 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà N bị trùng từ tháng 05/2007 đến tháng 07/2007.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N về việc yêu cầu: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Lê Thị N (do bà H1 là người trực tiếp ký kết) và Công ty G vô hiệu.*

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu

cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*. Bà N có quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lê Thị N.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị N với Công ty G (theo sổ bảo hiểm xã hội có mã số 9107084963) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107084963 không phải là bà Lê Thị N, sinh ngày 19/4/1987; căn cước công dân số 040187035586 cấp ngày 03/12/2022. Bà Lê Thị N được quyền liên hệ với Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh liên quan đến sổ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0025926 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Tuyết Ánh